

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/DSST

Ngày: 19/5/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN D

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu L

2. Bà Phạm Thị Thanh H

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực B, Thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2004/2025/TLST-DS ngày 10/12/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2026/QĐ-HPT ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MA (Việt Nam); Địa chỉ: 91 P, Phường Sài G, Thành phố Hồ Chí M;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tất T – Giám đốc của Công ty;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Thuỳ D, sinh năm 2000, địa chỉ: Phòng 401, Tầng 4, Tòa nhà số 793/49/1 Trần Xuân S, phường Tân H, Thành phố Hồ Chí M (Giấy ủy quyền ngày 17/4/2025) (có đơn yêu cầu vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Dương Công D, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: 130/7 Phan Văn Khoẻ, phường Bình Tây, Thành phố Hồ Chí M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam do bà Lâm Thị Thuý D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24/03/2023, Công ty tài chính TNHH một thành viên MA (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 4443391 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho Ông Dương Công D với nội dung:

- Khoản vay trị giá 38.772.000 đồng (gồm 36.000.000 đồng giải ngân ngày 24/03/2023 qua số tài khoản 0161004640002 mở tại Ngân hàng TMCP Bảo V và 2.772.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay).

- Mức lãi suất trong hạn là 58%/năm (một năm là 365 ngày);

- Lãi suất quá hạn = 150% x Lãi suất trong hạn% x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn: 365 ngày

- Lãi chậm trả = 10% x Số tiền lãi trong hạn chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn: 365 ngày

Sau khi ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho bị đơn. Theo Hợp đồng tín dụng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 25/04/2023 đến ngày 25/03/2025.

Sau khi được giải ngân bị đơn đã thanh toán 38.141.001 đồng (Trong đó: Gốc đã trả 15.465.287 đồng; Lãi đã trả: 22.519.714 đồng; Phí thu hộ đã trả: 156.000 đồng). Ngày 26/04/2024, là ngày thanh toán cuối cùng của bị đơn đối với khoản vay trên, do đó kể từ ngày 25/05/2024 (kỳ thanh toán thứ 14) công ty bắt đầu tính nợ quá hạn đối với từng kỳ thanh toán mà bị đơn vi phạm.

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Điều 8.3 Hợp đồng tín dụng, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Mặc dù, Công ty đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng phía bị đơn vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho phía Công ty, nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc bị đơn thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 23/3/2026 là 57.153.682 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 23.306.713 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 5.278.666 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 27.697.273 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 871.030 đồng.

Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu cá nhân Bị đơn phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 24/3/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại phiên toà, Công ty gửi văn bản và yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2026 là 60.402.636 đồng, trong đó gồm:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 23.306.713 đồng.
- Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 5.278.666 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 30.863.793 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 953.464 đồng.

Mặt khác, Công ty còn yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 20/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn ông Dương Công D vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam buộc ông Dương Công D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 60.402.636 đồng, trong đó nợ gốc là 23.306.713 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.278.666 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.863.793 đồng, nợ lãi chậm trả là 953.464 đồng.

Mặt khác, bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật; Mức lãi suất được tính theo quy định tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam có bà Lâm Thị Thuỳ D là đại diện ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt văn bản theo đúng quy định nhưng bị đơn ông Dương Công D vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách người đại diện theo ủy quyền của các đương sự: Căn cứ vào văn bản ủy quyền thể hiện việc ủy quyền của đương sự tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Qua nghiên cứu nội dung vụ án xét thấy ông Dương Công D theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng còn nợ Công ty số tiền gốc và lãi còn thiếu, nên Công ty yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Dương Công D phải thanh toán theo hợp đồng nêu trên. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Dương Công D cung cấp thông tin trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 24/3/2023 ông ở tại địa chỉ 130/7 Phan Văn Khỏe, Phường 5, Quận 6 (Nay là phường Bình Tây), Thành phố Hồ Chí M. Theo kết quả xác M của Công an Phường Bình Tây, Thành phố Hồ Chí M thể hiện ông Dương Công D, sinh năm 1965, nơi thường trú tại địa chỉ 130/7 Phan Văn Khỏe, Phường Bình Tây, Thành phố Hồ Chí M, không rõ nơi cư trú hiện tại. Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn được ghi trong giao dịch nhưng bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí M.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết giữa hai bên vào ngày 24/3/2023, do ông Dương Công D vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 26/04/2024 (ngày thanh toán cuối cùng). Mặt khác, đến ngày 31/7/2025 Công ty khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời không có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Dương Công D phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam với tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 60.402.636đồng, trong đó nợ gốc là 23.306.713đồng, nợ lãi trong hạn là 5.278.666đồng, nợ lãi quá hạn là 30.863.793đồng, nợ lãi chậm trả là 953.464đồng.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 23/3/2023, Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam và ông Dương Công D đã ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4443391 về việc Công ty cấp tín dụng cho ông Dương Công D với tổng số tiền vay là 38.772.000đồng (gồm 36.000.000đồng giải ngân ngày 24/3/2023 qua số tài khoản 0161004640002 mở tại Ngân hàng TMCP Bảo V và bảo hiểm khoản vay là 2.772.000đồng).

Xét, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 nên Hợp đồng tín dụng số 4443391 ngày 23/3/2023 phát sinh hiệu lực pháp luật. Sau khi ký kết, nguyên đơn đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng nêu trên cho bị đơn (theo Phiếu báo nợ ngày 24/3/2023 của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam). Theo Hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền là 2.118.175 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 25/4/2023 đến ngày 25/3/2025 cho Công ty.

Sau khi được giải ngân bị đơn đã thanh toán 38.141.001đồng (Trong đó: Gốc đã trả 15.465.287đồng; Lãi đã trả: 22.519.714đồng; Phí thu hộ đã trả: 156.000đồng). Ngày 26/04/2024, là ngày thanh toán cuối cùng của bị đơn đối với khoản vay trên, do đó kể từ ngày 25/05/2024 (kỳ thanh toán thứ 14) công ty bắt đầu tính nợ quá hạn đối với từng kỳ thanh toán mà bị đơn vi phạm.

Mặc dù, Công ty đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng phía bị đơn vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho phía Công ty, nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc bị đơn thanh toán cho Công ty.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của Tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ mục 8.3 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 4443391 ngày 23/3/2023.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Dương Công D nhưng ông D vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa nên căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông D đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Như vậy, bị đơn ông Dương Công D đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự.

Do đó, yêu cầu của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam buộc bị đơn ông Dương Công D phải thanh toán toàn bộ khoản vay với tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 60.402.636đồng, trong đó nợ gốc là 23.306.713đồng, nợ lãi trong hạn là 5.278.666đồng, nợ lãi quá hạn là 30.863.793đồng, nợ lãi chậm trả là 953.464đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì số nợ này đã kéo dài nên ảnh hưởng đến việc kinh doanh của Công ty, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn, nên buộc ông D phải trả số tiền nợ gốc và lãi một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam yêu cầu bị đơn ông Dương Công D thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 20/5/2026 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 4443391 ngày 23/3/2023.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”*.

Do đó yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Dương Công D chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 4443391 ngày 23/3/2023 đã được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (sửa đổi, bổ sung năm 2023);

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam: Buộc ông Dương Công D phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 4443391 ngày 23/3/2023, với tổng số tiền tính đến ngày 19/5/2026 là 60.402.636đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm lẻ hai nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 23.306.713đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng), nợ lãi trong hạn là 5.278.666đồng (Năm triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn là 30.863.793đồng (Ba mươi triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng), nợ lãi chậm trả là 953.464đồng (Chín trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/5/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên, ông Dương Công D còn phải trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 4443391 ngày 23/3/2023. Trường hợp tại Hợp đồng tín dụng số 4443391 ngày 23/3/2023 có thỏa thuận về điều chỉnh

lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của công ty cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Dương Công D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.020.132 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi nghìn một trăm ba mươi hai đồng) đối với yêu cầu trả nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 4443391 ngày 23/3/2023 đã được Tòa án chấp nhận;

3.2. Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên MA Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.241.939 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi một nghìn chín trăm ba mươi chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Ký hiệu: BLTU/25E; số 0048085 ngày 10/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí M.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Công ty Tài chính TNHH một thành viên MA Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Ông Dương Công D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực B;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng N



